

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

- Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- Quý cổ đông và các nhà đầu tư

Công ty : **Công ty cổ phần Khoáng sản FECON**

Trụ sở chính : Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Điện thoại : 035 135 33038

Fax : 035 135 33897

Mã chứng khoán: **FCM**

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Thị Hải Yến

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Điện thoại (cơ quan): 0351 3533 038

Fax: 0351 3533 897

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2014 Công ty cổ phần khoáng sản FECON.

Nội dung thông tin được đăng tải đầy đủ và chi tiết tại website chính thức của công ty ngày 25 tháng 3 năm 2015: <http://feconmining.com.vn/quan-he-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Hà Nam, Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Người thực hiện công bố thông tin



Trưởng phòng TC- HC

Trần Thị Hải Yến

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2014

Hà Nam, tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty cổ phần khoáng sản FECON năm 2014

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0700252549 do Sở kế hoạch đầu tư Hà Nam cấp ngày 03 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 06 tháng 01 năm 2015.
- Vốn điều lệ: 410.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 410.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Cụm CN Thi Sơn – xã Thi Sơn – Huyện Kim Bảng – Tỉnh Hà Nam
- Số điện thoại: 03513 533 038
- Số fax: 03513 533 897
- Website: www.feconmining.com.vn
- Mã cổ phiếu : **FCM**

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần Khoáng sản FECON tiền thân là Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON (Công ty con của Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON) thành lập ngày 03/09/2007 với vốn điều lệ là 30 tỷ đồng. Ngày 05/05/2010, Công ty TNHH Cọc bê tông dự ứng lực FECON chuyển đổi thành Công ty cổ phần bê tông dự ứng lực PVC-FECON với sự tham gia góp vốn thêm của hai cổ đông lớn là Tổng Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC) và Công ty cổ phần thi công cơ giới và lắp máy dầu khí (PVC – ME) bên cạnh cổ đông ban đầu là Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON. Vốn điều lệ của Công ty khi vừa chuyển đổi là 150 tỷ đồng.
- Ngay từ khi thành lập, với định hướng phát triển cũng như nắm bắt được nhu cầu rất lớn của thị trường đối với các sản phẩm bê tông dự ứng lực chất lượng cao, Công ty đã chú trọng đầu tư vào công nghệ, nghiên cứu và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng.
- Với dây chuyền công nghệ sản xuất theo tiêu chuẩn Nhật Bản, sản phẩm cọc chất lượng cao với thương hiệu FECON Pile đã được cung cấp ra thị trường Việt Nam từ tháng 7/2008 và đã được khách hàng trong và ngoài nước đánh giá cao, tin tưởng lựa chọn đưa vào hạng mục thi công nền móng cho các dự án lớn như chuỗi siêu thị Metro cash & carry phía Bắc, chuỗi Siêu thị Big C phía Bắc, Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 1, Nhà máy sợi Tổng hợp PVTEX Đình Vũ, PEPSI Bắc Ninh,...
- Nhờ vào việc áp dụng khoa học và công nghệ hiện đại cùng với những tính năng tiên tiến, sản phẩm cọc của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON đang từng bước chiếm lĩnh thị trường cọc

đúc sẵn miền Bắc Việt Nam. Với chiến lược phát triển bền vững, Công ty đang tiếp tục nghiên cứu để sản xuất ra các sản phẩm bê tông dự ứng lực hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm đem lại giải pháp tổng thể cho nền móng các công trình xây dựng.

- Tháng 11/2009, Công ty đã cho ra đời sản phẩm cọc vuông ly tâm dự ứng lực đầu tiên ở miền Bắc, được sử dụng lần đầu tiên cho khách sạn Lam Kinh (Thanh Hóa), trung tâm thương mại Blue Lotus Even Centre (Hà Nội).
- Từ khi đi vào sản xuất công suất nhà máy luôn hoạt động tối đa nhưng vẫn không đáp ứng được nhu cầu thị trường. Để xây dựng Nhà máy cọc hiện tại thành Nhà máy bê tông dự ứng lực cường độ cao, đa dạng sản phẩm và tăng công suất, đầu năm 2010 Công ty đã liên kết với Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) để đầu tư xây dựng Nhà máy giai đoạn 2 với sản phẩm cọc có đường kính từ D300 đến D1200 với chiều dài tối đa là 27m. Đây là nhà máy sản xuất cọc lớn nhất miền Bắc với số vốn đầu tư ban đầu lên tới 300 tỷ đồng trên diện tích gần 4 ha tại cụm công nghiệp Thi Sơn – Kim Bảng – Hà Nam.
- Đặc biệt tháng 01/2011, Công ty đã cho ra sản phẩm cọc D800 dài 27m có đường kính và chiều dài lớn nhất miền Bắc theo đúng tiêu chuẩn Nhật Bản và Việt Nam. Sự kiện này đã tạo tiếng vang lớn và nâng cao lợi thế cạnh tranh của Công ty trên thị trường cọc miền Bắc.
- Để chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào, đồng thời đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng cho khu vực miền Bắc, Công ty mở rộng sang lĩnh vực khai thác và cung cấp khoáng sản vật liệu xây dựng với các mỏ đá (đá xây dựng và đá balzan chất lượng cao) ở Hòa Bình, Hà Nam, Thanh Hoá và mỏ cát ở Hà Nội. Việc mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh khoáng sản của Công ty vừa để đáp ứng và chủ động về nhu cầu nguyên vật liệu đầu vào cho nhà máy sản xuất cọc bê tông ly tâm, vừa tạo ra cơ hội để Công ty có thể phát triển thêm một lĩnh vực hoạt động kinh doanh tiềm năng và hiệu quả.
- Ngày 28 tháng 12 năm 2011 Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen cho công ty đạt: Giải vàng chất lượng quốc gia năm 2011.
- Từ ngày 20/02/2013, Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Khoáng sản FECON (Công ty).
- Ngày 08 tháng 5 năm 2013, SGDCK Tp.HCM đã có quyết định số 173/2013/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON. Ngày 15 tháng 5 năm 2013 giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) - Mã chứng khoán: **FCM**.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

– Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác quặng sắt, khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt, khai thác quặng kim loại quý hiếm; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;

- Thi công xây dựng: Nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị, thí nghiệm cọc công nghệ cao;
- Địa bàn kinh doanh của Công ty cổ phần khoáng sản FECON trải dài các tỉnh từ miền Trung tới miền Bắc. Tiêu biểu như một số dự án: Khu liên hợp gang thép FORMOSA – Hà Tĩnh, Công trình Sam Sung Thái Nguyên, Công trình LG Hải Phòng, công trình Honda 3, công trình Brother, Liên hợp lọc hoá dầu Nghi Sơn, Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty cổ phần Khoáng sản FECON đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên thường niên hằng năm, trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định. Các cổ đông sẽ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hiện tại Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON có 05 thành viên.

HDQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HDQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

❖ Ban kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc Đại hội cổ đông do Đại hội cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HDQT, hoạt động điều hành kinh doanh của Ban Giám đốc, trong ghi chép sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn.

❖ Ban Giám đốc



Thấu hiểu lòng đất, chinh phục tâm cao

Ban Giám đốc của Công ty gồm có 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty.

Giám đốc là người đại diện trước pháp luật của Công ty.


❖ Các công ty con:

- Công ty cổ phần khoáng sản Hải Đăng trở thành công ty con ngày 02 tháng 4 năm 2014.
- Công ty cổ phần FECON Nghi Sơn trở thành công ty con từ ngày 11 tháng 8 năm 2014.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Đối với lĩnh vực sản xuất và cung cấp cọc bê tông ly tâm dự ứng lực cường độ cao tại thị trường Miền Bắc, Công ty tập trung mạnh vào sản xuất, cung cấp và thi công cọc bê tông (PC/PHC) cho các công trình xây dựng cao tầng, nhà máy, cảng biển, đường bộ và cầu đường .v.v... Đối với lĩnh vực khai thác khoáng sản, sản xuất chế biến vật liệu xây dựng: FECON Mining đang trong giai đoạn bắt đầu triển khai, chưa có thế mạnh trên thị trường. Công ty định hướng liên kết cùng các công ty có kinh nghiệm trong lĩnh vực khai khoáng, tập trung khai thác một số mỏ đá ở khu vực Hòa Bình, Hà Nam, Hà Tĩnh, Thanh Hóa và mỏ cát ở Hà Nội, sử dụng công nghệ khai thác an toàn, đảm bảo môi trường, máy móc thiết bị hiện đại.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: FECON Mining xác định sẽ trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực khai khoáng và cung cấp các sản phẩm bê tông hiện đại, đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển hạ tầng trong thời kỳ hội nhập của đất nước. Các công nghệ mà Công ty áp dụng không chỉ nhằm mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, khách hàng mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững, bởi một trong các phương châm hoạt động của FECON Mining là mọi hoạt động của công ty đều hướng tới mục tiêu dài hạn là ích nước lợi nhà.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Cải thiện môi trường làm việc: xanh- sạch- đẹp. Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm, cải thiện môi trường làm việc như:
 - + Phân loại các chất thải độc hại để tiêu hủy đúng nơi quy định.
 - + Xử lý bụi thải của lò hơi trước khi thải vào môi trường.
 - + Xử lý nước thải trước khi xả vào môi trường.
 - + Trồng nhiều cây xanh trong nhà máy
- Tham gia các phong trào địa phương, thực hiện trách nhiệm với xã hội: 

- ✓ Nhận chăm sóc, phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng là mẹ Nguyễn Thị Kim (Thụy Lôi- Kim Bảng- Hà Nam) từ tháng 8 năm 2008. Hàng tháng Công ty cử cán bộ đến thăm hỏi, tặng quà và thường xuyên có quan tâm đến sức khỏe của mẹ.
- ✓ Hoạt động chăm sóc trẻ mồ côi: hàng năm vào dịp tết thiếu nhi và trung thu lãnh đạo và cán bộ công ty đến thăm hỏi tại trung tâm trẻ mồ côi, tặng quà và động viên các cháu học tập.
- ✓ Tặng quà cho các gia đình có nạn nhân chất độc màu da cam: hàng năm tham gia tích cực cùng địa phương tặng quà các gia đình nạn nhân chất độc màu da cam.
- ✓ Tặng sổ tình nghĩa các gia đình có công với cách mạng, hộ nghèo của địa phương xã thị Sơn, huyện Kim Bảng.
- ✓ Ủng hộ các phong trào khuyến học tại huyện Kim Bảng.
- ✓ Ủng hộ xây dựng các công trình tại địa phương.

.....

6. Các rủi ro:

6.1 Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó. Tính đến thời điểm 31/12/2014, vốn vay và nợ của Công ty là 450,5 tỷ đồng, nguồn vốn vay này chủ yếu dùng để mua nguyên vật liệu sản xuất và máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất của công ty. Từ đó để hạn chế rủi ro lãi suất, Công ty đặc biệt nâng cao khả năng dự báo, khả năng quản lý, nghiên cứu cơ cấu lại tỷ lệ nợ.

6.2 Tỷ giá hối đoái

Đối với một doanh nghiệp rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó. Tính đến thời điểm 31/12/2014, vốn vay và nợ của Công ty là 450,5 tỷ đồng, nguồn vốn vay này chủ yếu dùng để mua nguyên vật liệu sản xuất và máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất của công ty. Từ đó để hạn chế rủi ro lãi suất, Công ty đặc biệt nâng cao khả năng dự báo, khả năng quản lý, nghiên cứu cơ cấu lại tỷ lệ nợ.

6.3 Rủi ro về nguồn nguyên liệu

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, chi phí sản xuất của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng bởi sự biến động giá cả vật liệu xây dựng như sắt thép, xi măng,..... Khi giá cả vật liệu xây dựng tăng đột biến sẽ nhanh chóng tác động đến giá cả các yếu tố đầu vào của Công ty, đẩy chi phí lên cao đối với những hợp đồng thi công dài hạn đã ký. Điều này có thể gây ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Để hạn chế sự rủi ro về nguồn nguyên liệu, Công ty chủ động hơn nữa trong việc đàm phán ký kết các hợp đồng giảm giá nguyên vật liệu, mở rộng xưởng sản xuất nguyên vật liệu chính như cát, bích.

6.4 Rủi ro về thời gian thanh toán



Trong hoạt động thi công xây dựng thì thời gian thi công trong công trường thường bị kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu, việc nghiệm thu, bàn giao, quyết toán với chủ đầu tư và nhà thầu thường chậm. Vì vậy, việc thu hồi nợ, quay vòng vốn từ các công trình rất chậm. Qua đó, để đẩy nhanh việc thu hồi nợ, quay vòng vốn từ các công trình, các phòng ban bộ phận chức năng phải thương xuyên đổi chiều, đốc thúc khách hàng trả nợ.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm qua có những bước phát triển vượt bậc, thể hiện qua các mức tăng trưởng cao của các chỉ tiêu về tài sản, doanh thu, lợi nhuận của Công ty qua các năm.

Tổng tài sản công ty năm 2014 tăng 167% so với năm 2013 lên gần 961 tỷ trong đó phần lớn là sự gia tăng của các khoản phải thu ngắn hạn, tài sản ngắn hạn. Tài sản cố định tăng 40% là do Công ty tập trung đầu tư máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty.

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2014 của Công ty đạt 485 tỷ tăng 114% so với năm 2013 và đạt 73,6 % kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2014 của công ty đạt 26,879 tỷ đồng bằng 75% so với năm 2013 và đạt 40,7 % kế hoạch lợi nhuận. Các chỉ tiêu về chi phí lãi vay cũng có sự gia tăng nhưng không có sự thay đổi nhiều so với năm 2013.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu năm giữ (cp)		Đơn vị được đại diện
			Đại diện	Cá nhân	
Hội đồng quản trị					
1	Hà Thế Lộng	Chủ tịch	5.250.000	25.000	FCN
2	Hà Thế Phương	Thành viên	1.500.000	25.000	FCN
3	Nguyễn Chí Công	Thành viên	3.000.000	0	FCN
4	Ngô Mạnh Quân	Thành viên	0	0	
5	Phạm Trung Thành	Thành viên	5.010.000	27.500	FCN
Ban Kiểm soát					
1	Nguyễn Thanh Phương	Trưởng BKS	0	0	
2	Nguyễn Quốc Đức	Thành viên BKS	0	0	
Ban Giám đốc					
1	Hà Thế Phương	Giám đốc	1.500.000	25.000	FCN
2	Phạm Trung Thành	Phó Giám đốc	5.010.000	27.500	FCN
3	Lê Quang Trung	Phó Giám đốc	0	10.000	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (cp)		Đơn vị được đại diện
			Đại diện	Cá nhân	
Kế toán trưởng					
1	Ngô Thị Thanh	Kế toán trưởng	0	3.500	

b) Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng


Hội đồng quản trị

b.1 Hà Thế Lộng – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 15/11/1953
- Nơi sinh : Yên Phú, Ý Yên, Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cao đẳng sư phạm kỹ thuật – Điện xí nghiệp
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 9/2007 đến 4/2010	Giám đốc Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON
Từ 5/2010 đến 31/12/2014	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khoáng sản FECON

- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khoáng sản FECON.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 5.275.000 cổ phần, chiếm 12,86 % vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 25.000 cổ phần (tương ứng 0,06% vốn điều lệ).
 - Được ủy quyền đại diện: 5.250.000 cổ phần (tương ứng 12,8 % vốn điều lệ).
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không


b.2 Hà Thế Phương – Thành viên 

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10-03-1954
- Nơi sinh : Yên Phú – Ý Yên – Nam Định
- Quốc tịch : Việt nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ thông tin - Đại học Bách khoa Hà Nội
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 7/2008 – 10/2009	Giám đốc sản xuất Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON
Từ 10/2009 – 4/2010	Phó Giám đốc Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON
Từ 5/2010 – 31/12/2014	Thành viên HĐQT & Giám đốc Công ty CP Khoáng sản FECON

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT & Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản FECON.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 1.525.000 cổ phần, chiếm 3,72 % vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 25.000 cổ phần (tương ứng 0,06 % vốn điều lệ).
 - Được ủy quyền đại diện: 1.500.000 cổ phần (tương ứng 3,66 % vốn điều lệ).
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

b.3 Ngô Mạnh Quân – Thành viên

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 08-09-1972
- Nơi sinh : Ninh Bình
- Quốc tịch : Việt nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng 

- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 5/1997-4/1999	Công tác tại Tổng công ty Vinaconex
Từ 11/1999 – 11/2001	Giám đốc dự án Đại học quốc gia Dong dok, Vientian, Lào
Từ 4/2002 – 4/2003	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Vinaconex 6
Từ 5/2003 – 7/2007	Phó Giám đốc ban QLDA Xi măng Cẩm Phả - Tổng công ty Vinaconex
Từ 8/2007- 9/2011	Phó Giám đốc Công ty Liên doanh TNHH Phát triển đô thị mới An Khánh, dự án Splendora Hà Nội
Từ 2012 – 2013	Giám đốc Công ty cổ phần chế tác đá Việt Nam
Từ 2014 đến nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần FECON hạ tầng

- Chức vụ hiện nay: : Thành viên HĐQT.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần FECON hạ tầng
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ).
 - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ).
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

b.4 Phạm Trung Thành – Thành viên

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 21-11-1977
- Nơi sinh : Yên Phú – Ý Yên – Nam Định
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Hóa học
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
-----------	---------


Từ 6/2008 – 10/2009	Trưởng phòng Cung ứng vật tư Công ty TNHH cộc bê tông dự ứng lực FECON
Từ 10/2009 – 4/2010	Quản đốc xưởng Công ty TNHH cộc bê tông dự ứng lực FECON
Từ 5/2010 – 31/12/2014	Phó giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản FECON

- Chức vụ hiện nay : Phó giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản FECON.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác (nếu có): Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 5.037.500 cổ phần, chiếm 12,29 % vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 27.500 cổ phần (tương ứng 0,07 % vốn điều lệ).
 - Được ủy quyền đại diện: 5.010.000 cổ phần (tương ứng 12,22 % vốn điều lệ).
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

b.5 Nguyễn Chí Công – Thành viên

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 13/05/1972
- Nơi sinh : Nam Định
- Quốc tịch : Việt nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Đường bộ Đại học Giao thông vận tải Hà Nội.
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ tháng 01/2013 - Nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản FECON


- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản FECON.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không 

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 3.000.000 cổ phần, chiếm 7,32 % vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ).
 - Được ủy quyền đại diện: 3.000.000 cổ phần (tương ứng 7,32 % vốn điều lệ).
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

Ban Giám đốc**b.6 Hà Thế Phương – Giám đốc (Như trên)****b.7 Phạm Trung Thành – Phó Giám đốc (Như trên)****b.8 Lê Quang Trung – Phó Giám đốc kỹ thuật**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 23/7/1959
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hoá
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 1984-1998	Nghiên cứu viên – Viện vật liệu xây dựng – Bộ xây dựng
Từ 1998 – 2006	Phó TGD Công ty BMT – Tổng công ty VLXD số 1
Từ 2007 – 2010	Phó GD Công ty ly tâm 620 – Công ty 620 Châu
Từ 2010 – 2011	Phó GD nghiên cứu, phát triển Công ty cổ phần đầu tư Phan Vũ
Từ 2011 – 2013	Phó phòng kỹ thuật – Công ty Vinaconex Xuân Mai

- Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc kỹ thuật Công ty cổ phần khoáng sản FECON.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Trong đó: 

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ).
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ).
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

Ban Kiểm soát**b.9 Nguyễn Thanh Phương – Trưởng Ban Kiểm soát**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 19/11/1973
- Nơi sinh : Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 5/2010 đến nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản FECON

- Chức vụ hiện nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản FECON.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác (nếu có): Kế toán trưởng Công ty TNHH đầu tư FECON.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ).
 - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ).
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

b.10 Nguyễn Quốc Đức- Thành viên BKS

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/11/1989
- Nơi sinh: Thái Bình
- Trình độ văn hóa: 12/12



▪ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

▪ Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ 9/2011 – 01/2012	Nhân viên kế toán – Ban điều hành dự án thủy điện Cửa Đạt - Vinaconex
Từ 01/2012 – 05/2012	Nhân viên kế toán tại Công ty Cổ phần xây dựng Vinaconex 21
Từ 06/2013 đến nay	Nhân viên tài chính tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON

▪ Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:

Thành viên Ban Kiểm soát

▪ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Nhân viên tài chính tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON

▪ Số CP nắm giữ:

0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

▪ + Đại diện sở hữu:

0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

▪ + Cá nhân sở hữu:

0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

▪ Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Không

b.11 Ngô Thị Thanh- Trưởng phòng Tài chính – Kế toán

▪ Họ và tên : Ngô Thị Thanh

▪ Giới tính : Nữ

▪ Ngày sinh : 05/11/1986

▪ Nơi sinh : Khả Phong – Kim Bảng – Hà Nam

▪ Trình độ văn hoá : 12/12

▪ Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

▪ Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Từ 11/2009 – 02/2012	Nhân viên kế toán – Công ty cổ phần khoáng sản FECON
Từ 3/2012 – 2/2014	Nhân viên phòng Kinh tế kế hoạch- Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần khoáng sản FECON
Từ 3/2014 - Nay	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán


Thấu hiểu lòng đất, chinh phục tâm cao

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng phòng Tài chính – Kế toán
- Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 3.500 cổ phần, chiếm 0,01 % vốn điều lệ
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 3.500 cổ phần (tương ứng 0,01 % vốn điều lệ).
 - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ).
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không.

c. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Quốc Đức làm thành viên BKS HĐQT Công ty từ ngày 01/03/2014
- Bổ nhiệm Ông Ngô Mạnh Quân làm thành viên HĐQT Công ty từ ngày 01/03/2014
- Ông Phùng Tiên Trung từ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT Công ty từ ngày 01/03/2014
- Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty và Chấm dứt hợp đồng lao động với Ông Nguyễn Tuấn Anh kể từ ngày 22/03/2014
- Bổ nhiệm bà Ngô Thị Thanh giữ chức vụ Trưởng phòng tài chính kế toán Công ty kể từ ngày 22/03/2014
- Ông Nguyễn Huy Hoà từ nhiệm chức danh Phó Chủ tịch HĐQT Công ty kể từ ngày 21/10/2014
- Bà Vũ Thị Thu Hải từ nhiệm chức danh thành viên BKS Công ty từ ngày 21/10/2014
- Bổ nhiệm Ông Phạm Trung Thành làm thành viên HĐQT Công ty từ ngày 21/10/2014

d. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Số lượng CBCNV Công ty tính đến 31 tháng 12 năm 2014 là: 314 người
- Chế độ làm việc:
 - ✓ Về thời gian làm việc: công ty tổ chức làm việc 8 h/ngày; 5,5 ngày/tuần. Người lao động được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.
 - ✓ Văn phòng làm việc, nhà xưởng được trang bị đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ cho công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.
- Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:
 - ✓ Người lao động trong Công ty ngoài tiền lương được hưởng theo hợp đồng cố định còn được trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. 

- ✓ Ngoài chế độ tiền lương Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền ăn ca, tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch. Luôn tạo cho người lao động yên tâm, phấn khởi thi đua trong lao động sản xuất. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho nhân viên trong Công ty.
 - ✓ Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ.
 - ✓ Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời, Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty.
 - ✓ Các tổ chức quần chúng được tạo điều kiện hoạt động và nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau đối với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm thực hiện.
- Chính sách tuyển dụng và đào tạo:
- ✓ Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản về trình độ, kinh nghiệm và ý thức trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, tác nghiệp độc lập.
 - ✓ Công ty có chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao dành cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm 2014

- Đầu tư nhà xưởng, máy móc, thiết bị :18,21 tỷ
- Đầu tư xưởng chế biến cát nhân tạo : 6,15 tỷ
- Đầu tư khu dịch vụ và thương mại Ngũ Động Sơn và mở rộng nhà máy: 7,1 tỷ
- Đầu tư vào FECON Nghi Sơn : 36,695 tỷ

Các khoản đầu tư đã thực sự đi vào phục vụ cho công tác sản xuất của nhà máy ngay sau khi đầu tư xong, trực tiếp góp phần nâng cao năng suất lao động, giảm sức lao động, hạ giá thành sản phẩm.



b) **Các công ty con, công ty liên kết:**

Thông tin về tình hình tài chính các đơn vị thành viên năm 2014:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên công ty	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Nợ phải trả	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
1	Công ty cổ phần khoáng sản Hải Đăng	84.931.639.582	31.000.409.406	53.931.230.176	(1.064.60.000)	(3.718.565.785)
2	Công ty cổ phần Fecon Nghi Sơn	179.462.129.529	106.049.047.853	73.413.081.676	167.449.678.117	8.223.510.998

4. Tình hình tài chính

a) **Tình hình tài chính**

Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 được so sánh với số liệu trên báo cáo tài chính công ty hợp nhất năm 2013.

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	573.558.955.919	960.975.180.773	67,5 %
Doanh thu thuần	423.485.066.539	485.716.639.222	14,7 %
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	42.781.040.874	32.828.061.659	-23,3%
Lợi nhuận khác	5.224.292.655	(284.849.933)	
Lợi nhuận trước thuế	48.005.333.529	32.543.211.726	-32,2 %
Lợi nhuận sau thuế	35.785.669.444	26.879.308.080	-24,9%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	6%	-	

b) **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1.9	1.67
TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1.52	1.1
TSLĐ - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.47	0.47
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0.88	1.02
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Lần	5.03	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0.74	0.5
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8	5.5%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12%	6.1%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6	2.8%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10	6.8%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 41.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật: 0 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 41.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có

Danh sách hạn chế chuyển nhượng: Không có.

b) Cơ cấu cổ đông:

Theo Sổ theo dõi cổ đông của Công ty chốt ngày 03/02/2015:

Mệnh giá: 10.000 đồng/cp

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1.	Trong nước			
1.1	Tổ chức	11	14.940.041	36.44
1.2	Cá nhân	1.886	25.153.704	61.35
2.	Nước ngoài			
2.1	Tổ chức	0	0	0
2.2	Cá nhân	12	906.255	2.21
3	Cổ phiếu quỹ			
Tổng cộng		1.909	41.000.000	100



Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2014

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %/VDL
1	Công ty CP kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON	Tầng 15, Tòa nhà CEO, lô HH2-1, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	14.760.000	36

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tăng vốn đợt 01 ngày 27/6/2014 (Năm 2014 tăng vốn 01 lần)

- Vốn điều lệ trước phát hành: 268.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 410.000.000.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 14.200.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước phát hành : 1.175 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành : 1.909 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Đối tượng được mua cổ phiếu	Nội dung chi tiết
1. Chào bán cho cổ đông hiện hữu	
• Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
• Số lượng chào bán	13.400.000 cổ phiếu
• Tỷ lệ phân bổ quyền	2:1
• Ngày chốt Danh sách cổ đông	11/6/2014
• Ngày phát hành	27/6/2014
• Số lượng cổ đông	1.175
2. Chào bán cho CBCNV	
• Giá chào bán	10.000 đồng/cổ phiếu
• Số lượng chào bán	800.000 cổ phiếu

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.**

e) **Các chứng khoán khác: Không có.**

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kinh tế xã hội nước ta năm 2014 tiếp tục bị ảnh hưởng bởi sự bất ổn của kinh tế thế giới. Tăng trưởng của các nền kinh tế đầu tàu suy giảm kéo theo sự sụt giảm của các nền kinh tế khác.

Những bất lợi từ sự sụt giảm của kinh tế thế giới ảnh hưởng xấu đến kinh tế trong nước và hoạt động sản xuất kinh doanh của hầu hết các loại hình doanh nghiệp.

- Ngành xây dựng lĩnh vực bất động sản hầu như vẫn đóng băng dẫn đến thị trường xây dựng, nhất là phần nền móng bị thu hẹp.
- Trong bối cảnh nền kinh tế chung còn gặp nhiều khó khăn như vậy, toàn thể cán bộ công nhân viên đã đồng tâm hiệp lực, nỗ lực hết mình thực hiện các cải cách để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành để đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được phần nào mục tiêu đề ra từ đầu năm 2014.
- Kết quả đã đạt được:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014 (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2013	% tăng giảm so với kế hoạch
1	Doanh thu thuần	485.716	14,7 %	73,6%
2	Lợi nhuận trước thuế	32.828	-32,2 %	37%
3	Lợi nhuận sau thuế	26.879	-24,9 %	40,7%
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	5,5 %	-34,5 %	

Nguyên nhân: - Chi phí vận chuyển tăng kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 dẫn đến lợi nhuận của Công ty giảm.

- Công ty cổ phần Khoáng sản Hải đăng từ tháng 11 năm 2014 mới cung cấp được sản phẩm. Nên doanh thu của mảng khoáng sản không đạt theo kế hoạch đặt ra.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị: **Đồng**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
1	Tổng tài sản (Trong đó)	573.558.955.919	961.002.911.442
1.1	Tài sản ngắn hạn	339.321.565.923	645.102.192.258
1.2	Tài sản dài hạn	234.237.389.996	315.900.719.185
2	Doanh thu thuần	423.485.066.539	485.716.639.222
3	Lợi nhuận trước thuế	48.005.333.529	32.543.211.726
4	Lợi nhuận sau thuế	35.785.669.444	26.879.308.080

- Tính đến cuối năm 2014 tổng tài sản tăng 387,4 tỷ đồng, tức tăng 67% so với đầu năm. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 305,78 tỷ đồng (tăng 90%), tài sản dài hạn tăng 81,66 tỷ đồng (tăng 34%).

Thấu hiểu lòng đất, chinh phục tâm cao

- Với tài sản ngắn hạn, phải thu khách hàng có điều chỉnh tăng mạnh nhất tăng 203% cuối năm là 315,8 tỷ đồng so với đầu năm là 155,7 tỷ đồng. Hàng tồn kho và các khoản mục khác không có sự thay đổi nhiều so với năm 2013.
- Về tài sản dài hạn không có sự thay đổi nhiều so với năm 2013.
- Việc lựa chọn đối tác tin cậy đã giúp FECON Mining giảm thiểu tối đa dự nợ xấu trong tổng tài sản.

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
Hiệu suất sử dụng tài sản Doanh thu thuần Tổng tài sản bình quân	Lần	0.87	0.5
Giá trị tài sản thuần/1 cổ phiếu (VND) Vốn chủ sở hữu Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	Đồng	11.924	10.726

b) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
A	Nợ ngắn hạn (Trong đó)	178.569.889.271	384.444.671.474
1	Vay và nợ ngắn hạn	104.755.764.644	223.248.724.711
2	Phải trả người bán	55.929.253.919	120.572.179.309
B	Nợ dài hạn (Trong đó)	86.421.133.225	67.237.150.913
1	Vay và nợ dài hạn	86.421.133.225	66.696.569.694
C	Tổng nợ phải trả	267.682.688.860	451.681.822.387

Phân tích các chỉ tiêu liên quan đến tình hình nợ phải trả của Công ty cổ phần khoáng sản FECON trong giai đoạn 2013 – 2014:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1.9	1.67
2	Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	1.52	1.1
3	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	47	47
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	88	102
4	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12	6,1

Nợ phải trả tăng 68% so với năm 2013, trong đó tập trung chủ yếu là tăng trưởng nợ ngắn hạn (tăng 115%).

Trong năm 2014, FECON Mining không phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn và luôn được các tổ chức tín dụng cũng như các nhà cung cấp đánh giá là khách hàng tin cậy, mức độ tín nhiệm cao.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công tác cải tiến:

- Đây là công việc được tiến hành thường xuyên với sự tham gia của đông đảo người lao động. Việc cải tiến được tiến hành ở hầu khắp các khâu trong quá trình sản xuất. Từ việc bố trí cải tạo mặt bằng sản xuất cho khoa học, đến việc cải tạo máy móc thiết bị để nâng cao năng lực thiết bị và cải tiến quy trình sản xuất, quy trình kỹ thuật.
- Tổng số sáng kiến được áp dụng thành công trong năm: 82 sáng kiến.
- Các sáng kiến đã góp phần trực tiếp vào phục vụ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm sức lao động của con người, hạ giá thành sản phẩm → Nâng cao năng lực cạnh tranh.

Chất lượng sản phẩm:

Việc cải tiến quy trình sản xuất, quy trình quản lý chất lượng dẫn đến chất lượng sản phẩm ổn định. Tỷ lệ cọc lỗi giảm so với năm trước. Thành công rất lớn là chất lượng sản phẩm đảm bảo ngay cả khi sản xuất trong điều kiện khắc nghiệt như: Ngày hè nhiệt độ môi trường trên 35°C và ngày đông khi nhiệt độ môi trường dưới 10°C.

Năng suất lao động:

Năng suất lao động là chỉ tiêu luôn được quan tâm đánh giá từng ngày, từng tuần, từng tháng. Tính đến thời điểm cuối năm 2014 năng suất lao động tăng 140% so với cùng kỳ năm 2013.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2015:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2014	Tăng trưởng (%)
1	Doanh thu	Tỷ	600	485,7	23,5
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ	51,3	32,5	57,8
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	40	26,8	49

Để đạt được kế hoạch kể trên Công ty tập trung đầu tư cải tạo nhà máy, máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất để nâng cao năng lực sản xuất nên phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ như sau:

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu *phl*

- Mã cổ phiếu : FCM
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành : 20.000.000 cổ phần (Hai mươi triệu cổ phần), tương ứng với 48,8% vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2014
- Trong đó:
- Cổ đông chiến lược nước ngoài : 20.000.000 cổ phần (Hai mươi triệu cổ phần)
- Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá) : 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)
- Đối tượng phát hành :
- Cổ đông chiến lược nước ngoài : Từ 01 (một) đến 02 (hai) đối tác nước ngoài có năng lực tài chính và lĩnh vực hoạt động tương đồng với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Số đợt phát hành : Có thể phát hành một đợt hoặc nhiều đợt đến khi phát hành đủ 20 triệu cổ phiếu cho cổ đông chiến lược nước ngoài
- Hình thức chào bán : Chào bán chứng khoán riêng lẻ
- Giá Phát hành
- Cổ đông chiến lược nước ngoài : Từ 10.000 đồng/cổ phiếu trở lên
- Quy định về chuyển nhượng : Hạn chế ba năm, kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán
- Thời gian thực hiện : Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn thời gian thích hợp để thực hiện
- Thời gian chào bán dự kiến : Dự kiến quý III, quý IV năm 2015 sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận
- Lưu ký và Niêm yết cổ phiếu : Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và thực hiện niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh theo đúng quy định của pháp luật.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Trong năm 2014 ban điều hành đã rất quan tâm đầu tư và tổ chức cải tiến dây chuyền thiết bị, điều kiện làm việc cho người lao động và nâng cao năng suất lao động.
- Năm 2014 chúng ta thực hiện chủ trương tái cơ cấu theo hướng “Tập chung chuyên sâu” của Lãnh đạo Tổng Công ty FECON – Công ty FCM chúng tôi thực hiện các việc như sau:

- + Đã giải thể, sáp nhập công ty FECON Invest vào công ty mẹ.
- + Huy động đầu tư thêm vốn vào Công ty cổ phần FECON Nghi Sơn (Năm giữ 51,5 % vốn Điều lệ) và Công ty cổ phần khoáng sản Hải Đăng (Năm giữ 55% vốn Điều lệ) trở thành công ty mẹ của 02 công ty con.
- Năm 2014 là năm đầu tiên triển khai hoạt động mỏ đá tại thôn Tam Sơn, xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa – Là năm Luật Khoáng sản có những quy định chặt chẽ hơn, nhất là mức tính lệ phí quyền khai thác khá cao. Song Công ty đã chỉ đạo Công ty Hải Đăng từng bước giải quyết các thủ tục pháp lý và triển khai thuê đất, giải phóng mặt bằng, mở đường, lắp đặt thiết bị... Đến cuối tháng 11/2014 mỏ đã chính thức đi vào hoạt động khai thác chế biến đá cung cấp ra thị trường bước đầu đạt sản lượng và chất lượng tương đối tốt.
- Năm 2014 cũng là năm đầu tiên FECON Nghi Sơn đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh thực sự và có hiệu quả.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Giám đốc và Ban điều hành công ty nói chung đã bám sát mọi chủ trương chỉ đạo của HĐQT để tổ chức mọi mặt hoạt động SXKD phù hợp mọi quy định của Điều lệ công ty và Pháp luật Nhà nước.
- Luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, chỉ đạo sâu sát mọi hoạt động của tất cả các phòng ban, bộ phận trong công ty. Đặc biệt “Tinh quyết liệt” trong việc tìm mọi biện pháp để khắc phục mọi khó khăn phát sinh nhằm đảm bảo tiến độ, năng suất, chất lượng... là rất rõ rệt và bền bỉ với tinh thần “Khó mấy cũng phải làm bằng được”.
- Công tác phối hợp với các Ban điều hành các công trình, các nhà thầu cung cấp nguyên vật liệu, các đơn vị vận tải cũng luôn được quan tâm đúng mức, chỉ đạo kịp thời nên SXKD không bị đình trệ, ách tắc khi nhiều vấn đề khó khăn phát sinh.
- Những giải pháp kỹ thuật tích cực mang lại hiệu quả kinh tế, giảm giá thành sản phẩm cũng được áp dụng một cách kiên quyết giúp cạnh tranh tốt hơn trên thị trường.
- Ban Giám đốc cũng luôn quan tâm đầu tư cải tạo thiết bị, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động đảm bảo mọi quyền lợi và nghĩa vụ phù hợp luật lao động và các quy định hiện hành của Nhà nước. Năm 2014 Công ty được UBND tỉnh Hà Nam cấp Bằng khen, Cục thuế và cơ quan Bảo hiểm biểu dương, khen thưởng.
- Tuy nhiên, bên cạnh những điểm mạnh nêu trên Ban điều hành cũng cần chú ý nâng cao năng lực quản trị tài chính; áp dụng nhiều biện pháp để tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; Cải tiến quy trình và biện pháp kiểm soát chất lượng sản phẩm nhằm không ngừng nâng cao uy tín thương hiệu và sức mạnh cạnh tranh trên thị trường.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Để sớm thực sự trở thành công ty hàng đầu về khai thác chế biến đá và cung cấp các sản phẩm bê tông đúc sẵn, đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển hạ tầng đất nước theo hướng công nghiệp hiện đại chúng ta cần tăng cường liên kết với các cơ sở khoa học trong nước

- như: viện KHCN xây dựng, viện KHCN Giao thông, Viện bê tông Việt Nam, trường ĐH xây dựng ... và liên kết với các công ty chuyên ngành sản xuất cọc bê tông dự ứng lực, sản xuất vật liệu XDCN nước ngoài như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan...
- Từ đó, từng bước cải thiện công nghệ, nâng cao năng lực dây chuyền thiết bị nhằm tăng chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm...
 - Chỉ đạo từng bước mở rộng sản xuất, khai thác chế biến khoáng sản với một quy mô lớn hơn nhằm tận dụng lợi thế của khu vực Bắc Trung Bộ đang nở rộ các công trình xây dựng, trong đó trọng điểm là khu kinh tế Nghi Sơn và cảng biển quốc tế Nghi Sơn.
 - Chú trọng đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực, trọng tâm là đội ngũ cán bộ quản lý, lao động kỹ thuật có tay nghề cao nhằm đáp ứng yêu cầu ngày một cao hơn trong giai đoạn hội nhập Quốc tế sắp tới.
 - Luôn chú ý chăm lo, cải thiện điều kiện làm việc, mức thu nhập của người lao động và các phong trào hoạt động văn hóa, xã hội. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp lành mạnh ... Nhằm tranh thủ ngày càng nhiều hơn sự ủng hộ của chính quyền, đoàn thể và nhân dân các địa phương thu hút được nhiều lao động chất lượng cao.
 - Nghiên cứu nhu cầu thị trường các nước trong khu vực, tiếp thị giới thiệu các loại sản phẩm bê tông, khoáng sản chất lượng cao để từng bước xuất khẩu được sản phẩm của công ty ra thị trường thế giới.
 - Để thực hiện được các chủ trương lớn như trên – Công ty rất cần gia tăng vốn đầu tư – Dự kiến sẽ phát hành 20.000.000 cổ phiếu tương ứng với Hai trăm tỷ đồng cho cổ đông chiến lược nước ngoài

V. Quản trị công ty


1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (cp)			Ghi chú
			Đại diện	Cá nhân	Đại diện cho	
Hội đồng quản trị						
1	Hà Thế Lộng	Chủ tịch	5.250.000	25.000	FCN	Điều hành
2	Hà Thế Phương	T.viên	1.500.000	25.000	FCN	Điều hành
3	Phạm Trung Thành	T.viên	5.010.000	27.500	FCN	Điều hành
4	Ngô Mạnh Quân	T.viên	0	0	Độc lập	Không điều hành
5	Nguyễn Chí Công	T.viên	3.000.000	0	FCN	Không điều hành

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp HĐQT: 

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Hà Thế Lộng	Chủ tịch	15/15	100%
2	Ông Hà Thế Phương	Thành viên	15/15	100%
3	Ông Phạm Trung Thành	Thành viên	2/2	100%
4	Ông Ngô Mạnh Quân	Thành viên	14/14	100%
5	Ông Nguyễn Chí Công	Thành viên	15/15	100%

Nội dung các cuộc họp:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	0201/2014/NQ-HĐQT/FCM	02/01/2014	Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2014
2	2103/2014/QĐ-HĐQT/FCM	21/3/2014	Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với ông Nguyễn Tuấn Anh
3	2603/2014/NQ-HĐQT/FCM	26/3/2014	Trả cổ tức bằng tiền (600 đồng/1 cổ phiếu)
4	0204/2014/QĐ-HĐQT/FCM	02/4/2014	Triển khai phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 410 tỷ đồng
5	0204-1/2014/QĐ-HĐQT/FCM	02/4/2014	Về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng
6	1404/2014/QĐ-HĐQT/FCM	14/4/2014	Thông qua danh sách người lao động được quyền mua cổ phiếu trong năm 2014
7	1704/2014/QĐ-HĐQT/FCM	17/4/2014	Phương án xử lý trường hợp phát hành cổ phiếu không thu đủ tiền như dự kiến
8	0805/2014/QĐ-HĐQT/FCM	08/5/2014	Giải thể Công ty TNHH đầu tư FECON
9	2305/2014/NQ-HĐQT/FCM	23/5/2014	Chốt danh sách phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1
10	0306/2014/NQ-HĐQT/FCM	03/6/2014	Chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2014
11	1206/2014/NQ-HĐQT/FCM	12/6/2014	Chọn đơn vị kiểm toán năm 2014
12	2606/2014/QĐ-HĐQT/FCM	26/6/2014	Nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần FECON Nghi Sơn
13	3107/2014/QĐ-HĐQT	31/7/2014	Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			chào bán ra công chúng chưa phân phối hết
14	0708/2014/QĐ-HĐQT	07/8/2014	Điều chỉnh số vốn điều lệ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty
15	1508/2014/QĐ-HĐQT	15/8/2014	Thông qua việc lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu
16	2110/2014/HĐQT-FCM	21/10/2014	Thay đổi nhân sự thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
17	2110-1/2014/HĐQT-FCM	21/10/2014	Bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
18	2612/2014/NQ-HĐQT/FCM	26/12/2014	Thay đổi nhân sự chủ chốt Hội đồng quản trị
19	3012-1/2014/NQ-HĐQT/FCM	30/12/2014	Bổ nhiệm người đại diện theo pháp luật
20	3012-2/2014/NQ-HĐQT/FCM	30/12/2014	Bổ nhiệm chủ tịch Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao đúng với Điều lệ Công ty quy định. Hội đồng quản trị hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao nhằm mục tiêu để công ty ngày càng phát triển hơn.
- Các quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2014 là tích cực và đã thể hiện rõ vai trò định hướng phát triển chiến lược, giúp công ty tháo gỡ những khó khăn trước mắt và tiếp tục phát triển trong bối cảnh nền kinh tế gặp rất nhiều khó khăn.
- Các hoạt động của HĐQT đã tuân thủ theo luật định, Điều lệ do Đại hội cổ đông thông qua.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

- HĐQT đã duy trì họp mỗi quý một lần.
- Các kỳ họp đều có đầy đủ 05 thành viên. Mỗi thành viên đã tham gia với tinh thần trách nhiệm cao, hội nghị diễn ra theo đúng quy định của điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và luật doanh nghiệp.
- Các quyết định của HĐQT đều sát đúng với tình hình thực tế, đảm bảo mục tiêu phát triển công ty bền vững và phù hợp; không vi phạm chính sách pháp luật của nhà nước.
- Đó là những nỗ lực rất lớn của HĐQT trong hoạt động năm tài chính 2014. Song các thành viên HĐQT thấy rằng mỗi thành viên đều cần nỗ lực hơn nữa trong việc nghiên cứu nắm bắt các thay đổi của chính sách pháp luật và tình hình diễn biến thị trường, nền kinh tế trong, ngoài nước để kịp

thời có những điều chỉnh chi đạo, tổ chức hoạt động của công ty phù hợp, sát đúng và kịp thời hơn nữa.

- Thành viên HĐQT độc lập không điều hành tích cực trong các hoạt động giám sát đảm bảo tính khách quan, minh bạch, các ý kiến đóng góp khách quan để dẫn đến các quyết định có lợi cho đa số cổ đông.

d) *Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:* Không có.

e) *Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:* 5/5

2. Ban Kiểm soát

a) *Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (cp)	
			Dại diện	Cá nhân
Ban Kiểm soát				
1	Nguyễn Thanh Phương	Trưởng Ban Kiểm	0	0
2	Nguyễn Quốc Đức	Thành viên BKS	0	0

b) *Hoạt động của Ban kiểm soát:*

Trong năm 2014, Ban kiểm soát gồm 2 người đã tiến hành 1 số hoạt động sau:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- Trong năm 2014, trong quá trình thực hiện quyền kiểm soát, Ban kiểm soát nhận thấy các hoạt động diễn ra tại Công ty vẫn diễn ra bình thường, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn của mình, không có dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật. Ban kiểm soát chỉ đề xuất 1 số vấn đề nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Tổng mức thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát là: 368.463.000 VNĐ.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao (đ/tháng)	Thành tiền
1	Nguyễn Huy Hòa	Phó CT HĐQT	5.800.000	52.200.000

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao (đ/tháng)	Thành tiền
2	Hà Thế Phương	Thành viên HĐQT	5.800.000	69.600.000
3	Phùng Tiến Trung	Thành viên HĐQT	5.800.000	11.600.000
4	Nguyễn Chí Công	Thành viên HĐQT	5.800.000	69.600.000
5	Phạm Trung Thành	Thành viên HĐQT	5.800.000	17.400.000
6	Ngô Mạnh Quân	Thành viên HĐQT	5.800.000	52.200.000
7	Nguyễn Thanh Phương	Trưởng ban KS	3.240.000	38.863.000
8	Vũ Thị Thu Hải	Thành viên BKS	1.000.000	9.000.000
9	Nguyễn Quốc Đức	Thành viên BKS	1.000.000	10.000.000
10	Ngô Thị Thanh	Thành viên BKS	1.000.000	2.000.000
11	Trần Thị Hải Yến	Thư ký	3.000.000	36.000.000
Cộng				368.463.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Hà Thế Lộng	Chủ tịch HĐQT	0	0%	25.000	0,06%	- Mua 25.000 CP từ ngày 27/06/2014 – 28/07/2014 (Mua CP phát hành cho CBCNV)
2	Hà Thế Phương	Giám đốc	0	0%	25.000	0,06%	- Mua 25.000 CP từ ngày 27/06/2014 – 28/07/2014 (Mua CP phát hành cho CBCNV)
3	Lê Quang	Phó Giám	0	0%	10.000	0,024	- Mua 10.000 CP từ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
	Trung	độc				%	ngày 27/06/2014 – 28/07/2014 (Mua CP phát hành cho CBCNV)
4	Phạm Trung Thành	Phó Giám đốc	30.000	0,11%	27.500	0,07%	<ul style="list-style-type: none"> - Bán 15.000 CP từ ngày 17/02/2014 – 26/02/2014 - Bán 15.000 CP ngày 16/07/2014 - Mua 7.500 CP từ ngày 27/06/2014 – 28/07/2014 (Mua CP phát hành cho CDHH) - Mua 20.000 CP từ ngày 27/06/2014 – 28/07/2014 (Mua CP phát hành cho CBCNV)
5	Nguyễn Tuấn Hưng	Chồng thành viên BKS	6.000	0,022%	0	0%	<ul style="list-style-type: none"> - Bán 6.000 từ ngày 11/02/2014 – 25/02/2014 - Mua 10.000 CP từ ngày 27/06/2014 – 28/07/2014 (Mua CP phát hành cho CBCNV) - Bán 10.000 CP ngày 30/09/2014
6	Nguyễn Đức Quý	Chồng người được uỷ quyền CBTT	0	0%	0	0%	- Mua 15.000 CP từ ngày 27/06/2014 – 28/07/2014 (Mua CP phát hành cho CBCNV)

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
							- Bán 15.000 CP ngày 01/10/2014
7	Trần Thị Hải Yến	Người được uỷ quyền CBTT	0	0%	0	0%	- Mua 15.000 CP từ ngày 27/06/2014 – 28/07/2014 (Mua CP phát hành cho CBCNV) - Bán 15.000 CP ngày 01/10/2014
8	Nguyễn Thanh Phương	Trưởng BKS	1.000	0,0024 %	0	0%	- Bán 1.000 CP ngày 07/10/2014


- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Tính đến 31/12/2014 các hợp đồng ký kết giao dịch với cổ đông nội bộ đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Không có.

IV. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty mẹ và hợp nhất được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K chấp thuận toàn bộ và không có ý kiến ngoại trừ nào. Cụ thể như sau:

Đối với Báo cáo tài chính năm 2014 Công ty mẹ: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

Đối với Báo cáo tài chính năm 2014 hợp nhất: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.” 

Thấu hiểu lòng đất, chinh phục tầm cao

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán). Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất. Toàn bộ Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 (Đính kèm theo báo cáo) được đăng tải trên website của công ty tại địa chỉ: www.feconmining.com.vn *mu*

**XÁC NHẬN CỦA
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

*Phạm Trung Thành*
GIÁM ĐỐC*Phạm Trung Thành*

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	9 - 10
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</i>	11 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (sau đây viết tắt là “Công ty”), đổi tên từ Công ty Cổ phần Bê tông và Khoáng sản FECON, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0700252549 ngày 03 tháng 09 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất và thương mại

Trụ sở chính của Công ty: Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 410.000.000.000 VND (Bốn trăm mười tỷ đồng chẵn).

Cơ cấu vốn điều lệ:

STT	Tên Cổ đông	Số cổ phần năm giữ	VND	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON	14.760.000	147.600.000.000	36%
2	Các cổ đông khác	26.240.000	262.400.000.000	64%
	Cộng	41.000.000	410.000.000.000	100%

Các đơn vị thành viên của Công ty như sau:

	Tên	Địa chỉ
	Công ty con	
Hóa	Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Đăng	Tam Sơn, Tân Trường, Tỉnh Gia, Thanh
Hóa	Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn	274 – Tổng Duy Tân, Ba Đình, Thanh

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại ngày lập Báo cáo tài chính:

Hội đồng quản trị

Ông Hà Thế Phương	Chủ tịch HĐQT
Ông Hà Thế Lộng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Chí Công	Thành viên HĐQT
Ông Ngô Mạnh Quân	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Trung Thành	Thành viên HĐQT

Ban Giám đốc

Ông Phạm Trung Thành	Giám đốc
Ông Lê Quang Trung	Phó Giám đốc kỹ thuật

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

1. Theo Thông báo số 95/TB ngày 30/05/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam thì Công ty TNHH Đầu tư FECON (là Công ty con của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON) đã chính thức giải thể và xóa tên doanh nghiệp trong Sổ đăng ký kinh doanh kể từ ngày 30/05/2014. Đến thời điểm lập Báo cáo này Công ty đã thu hồi được một phần khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư FECON bằng tiền mặt với số tiền: 766.178.900 VND. Theo đó, Công ty đã chuyển khoản đầu tư còn lại với số tiền: 3.133.821.100 VND sang theo dõi trên tài khoản 138 – “Các khoản phải thu khác”.
2. Theo Hợp đồng mua bán cổ phần 4 bên giữa: Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (Bên mua) và Công ty TNHH Hải Đăng (Bên bán), Công ty TNHH Khai thác chế biến Khoáng sản Ngọc Thanh (Bên bán) và Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Đăng ngày 19/11/2013 về việc: Các Bên bán đồng ý bán cổ phần của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Đăng cho Bên mua, thì Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON đã thực hiện thanh toán số tiền 8.047.800.000 VND tương ứng 4.950.000 cổ phần (chiếm giữ 55% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Đăng từ các Công ty trên, và đã có “Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần” ngày 20/11/2013. Ngày 02/04/2014, Công ty đã hoàn tất các thủ tục pháp lý theo quy định và ghi nhận Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Đăng là Công ty con trên Báo cáo tài chính của Công ty.
3. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 0103/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/03/2014, cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 268.000.000.000 VND lên 410.000.000.000 VND. Theo đó, đến thời điểm lập Báo cáo này Công ty đã hoàn thành thu tiền của các Nhà đầu tư về tài khoản Công ty và chính thức tăng vốn điều lệ lên 410.000.000.000 VND.
4. Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 10/2014/HĐ-FCNS ngày 11/08/2014 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (Bên mua) với Ông Phạm Việt Khoa (Bên bán) và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 09/2014/HĐ-FCNS ngày 11/08/2014 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (Bên mua) với Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON (Bên bán), Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON đã thực hiện mua lại 3.650.000 cổ phần (chiếm 36,5% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn từ các đối tác trên. Các bên ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần đã làm Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 11/08/2014. Theo đó, tại ngày 11/08/2014 Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON đã chính thức chiếm giữ 5.150.000 cổ phần (tương ứng với 51,5% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn và ghi nhận Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn là Công ty con trên Báo cáo tài chính.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc

- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nam, ngày 11 tháng 02 năm 2015

Ban Giám đốc
Giám đốc



PHẠM TRUNG THÀNH



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội : Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CS TT - CAHN, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội - Tel: (04) 44 500 668 - Fax: (04) 44 500 669
Chi nhánh Miền nam : C14, Quảng Trung, phường 11 - Tel: (08)3 589 7462 - Fax: (08)3 589 7464
Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM : Số 28 Đặng Túc, quận 1, TP. HCM - Tel: (08)3 848 0763 - Fax: (08)3 526 7187
Chi nhánh Đà Nẵng : Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng - Tel: (051)3 651 818 - Fax: (051)3 651 868
Chi nhánh Lạng Sơn : Tổ 2, khối 14, đường Bà Triệu - Tel: (025)3 718 545 - Fax: (025)3 716 264

Số : 135.3/2014/BCKT - TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON, được lập ngày 11/02/2015, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		645.102.192.258	339.321.565.923
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	30.661.643.336	6.429.990.216
1	Tiền	111		26.661.643.336	6.429.990.216
2	Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		371.347.076.423	260.392.944.602
1	Phải thu khách hàng	131	V.02	315.809.154.991	155.782.421.574
2	Trả trước cho người bán	132		8.419.883.065	783.471.049
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	V.03	35.037.756.580	95.770.549.144
5	Các khoản phải thu khác	138	V.04	12.491.310.352	8.467.531.400
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(411.028.565)	(411.028.565)
IV	Hàng tồn kho	140		220.080.498.037	68.558.223.695
1	Hàng tồn kho	141	V.05	220.080.498.037	68.558.223.695
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		23.012.974.462	3.940.407.410
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	589.596.646	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.646.800.402	3.035.976.410
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.07	2.868.578.268	407.378.252
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.08	1.907.999.146	497.052.748
B	Tài sản dài hạn	200		315.900.719.184	234.237.389.996
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		308.534.956.560	219.051.984.138
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	228.224.838.697	204.877.819.464
	- Nguyên giá	222		374.501.875.890	316.449.833.551
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(146.277.037.193)	(111.572.014.087)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	37.714.330.000	4.431.470.934
	- Nguyên giá	225		47.551.426.248	7.632.337.942
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(9.837.096.248)	(3.200.867.008)
3	TSCĐ vô hình	227	V.11	19.156.645.142	7.739.681.993
	- Nguyên giá	228		21.062.403.240	8.598.576.109
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.905.758.098)	(858.894.116)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	23.439.142.721	2.003.011.747
III	Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	5.000.000.000
V	Tài sản dài hạn khác	260		7.177.262.624	10.185.405.858
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	4.660.558.288	9.767.813.494
3	Tài sản dài hạn khác	268	V.14	2.516.704.336	417.592.364
VI	Lợi thế thương mại	269		188.500.000	-
	Tổng cộng tài sản	270		961.002.911.442	573.558.955.919

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	Nợ phải trả	300		451.681.822.387	267.682.688.860
<i>I</i>	<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>384.444.671.474</i>	<i>178.569.889.271</i>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	223.248.724.711	104.755.764.644
2	Phải trả người bán	312	V.16	120.572.179.309	55.929.253.919
3	Người mua trả tiền trước	313		11.876.278.398	7.044.761.480
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	4.065.291.587	8.281.697.532
5	Phải trả người lao động	315		3.793.800.558	2.240.645.915
6	Chi phí phải trả	316	V.18	7.167.883.579	300.528.388
9	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	10.870.762.606	905.759.588
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.849.750.726	(888.522.195)
<i>II</i>	<i>Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>67.237.150.913</i>	<i>89.112.799.589</i>
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	66.696.569.694	86.421.133.225
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		540.581.219	1.525.000.000
8	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	1.166.666.364
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		439.796.605.796	305.876.267.059
<i>I</i>	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>V.21</i>	<i>439.796.605.796</i>	<i>305.876.267.059</i>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		410.000.000.000	268.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		(1.873.645.455)	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		4.267.859.016	2.102.371.238
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		4.109.155.147	1.943.667.369
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23.293.237.088	33.830.228.452
<i>II</i>	<i>Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	<i>430</i>		-	-
C	Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		69.524.483.259	-
	Tổng cộng nguồn vốn	440		961.002.911.442	573.558.955.919

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TT	Chỉ tiêu		Số cuối kỳ	Số đầu năm
5	5.1 Ngoại tệ các loại (USD)	007	827,84	884,20

Lập ngày 11 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





BÙI THỊ HIỀN

NGÔ THỊ THANH

PHẠM TRUNG THÀNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.22	486.508.587.482	425.537.192.139
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.23	791.948.260	2.052.125.600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.24	485.716.639.222	423.485.066.539
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.25	320.403.486.888	309.868.429.753
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		165.313.152.334	113.616.636.786
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	633.634.930	1.289.292.325
7. Chi phí tài chính	22	VI.27	22.713.005.579	21.141.584.660
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>20.583.378.360</i>	<i>18.781.003.844</i>
8. Chi phí bán hàng	24		89.589.727.913	40.309.937.987
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.815.992.113	10.673.365.590
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.828.061.659	42.781.040.874
11. Thu nhập khác	31	VI.28	39.867.875.467	6.110.085.686
12. Chi phí khác	32	VI.29	40.152.725.400	885.793.031
13. Lợi nhuận khác	40		(284.849.933)	5.224.292.655
14. Phân lãi, lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		32.543.211.726	48.005.333.529
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	5.123.322.427	10.694.664.085
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		540.581.219	1.525.000.000
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.879.308.080	35.785.669.444
<i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>	<i>61</i>		<i>2.315.048.231</i>	<i>-</i>
<i>Lợi ích của cổ đông Công ty</i>	<i>62</i>		<i>24.564.259.849</i>	<i>35.785.669.444</i>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.31	747	1.409

Lập ngày 11 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





BÙI THỊ HIỀN

NGÔ THỊ THANH

PHẠM TRUNG THÀNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		32.543.211.726	48.005.333.529
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		39.765.512.919	31.927.693.949
- Các khoản dự phòng	3		0	411.028.565
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hoái đoái chưa thực hiện	4		2.064.166.362	2.000.032.737
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(1.942.463.609)	(1.219.728.489)
- Chi phí lãi vay	6		20.575.147.320	18.781.003.844
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		93.005.574.718	99.905.364.135
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(131.508.483.529)	(281.913.580.511)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(151.522.274.342)	(68.558.223.695)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		86.122.244.227	192.888.693.950
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		4.517.658.560	3.219.217.111
- Tiền lãi vay đã trả	13		(20.575.147.320)	(18.372.075.850)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(16.189.286.854)	(8.565.514.817)
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	15		308.030.001	300.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16		(6.041.567.728)	(1.082.194.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		(141.883.252.267)	(82.178.313.677)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(58.052.042.339)	(35.205.856.416)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		784.241.136	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	13.398.064.516
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	(5.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		567.955.509	1.219.728.489
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(56.699.845.694)	(25.588.063.411)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		140.126.354.545	118.000.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		398.607.011.590	175.893.302.711

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(291.975.990.667)	(162.872.500.281)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(7.862.624.387)	(2.412.935.126)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.080.000.000)	(14.411.500.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>222.814.751.081</i>	<i>114.196.367.304</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	24.231.653.120	6.429.990.216
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.429.990.216	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	30.661.643.336	6.429.990.216

Lập, ngày 11 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

BÙI THỊ HIỀN

Kế toán trưởng

NGÔ THỊ THANH



PHẠM TRUNG THÀNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (sau đây viết tắt là “Công ty”), đổi tên từ Công ty Cổ phần Bê tông và Khoáng sản FECON, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0700252549 ngày 03 tháng 09 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 410.000.000.000 VND (Bốn trăm mười tỷ đồng chẵn).

Cơ cấu vốn điều lệ:

STT	Tên Cổ đông	Số cổ phần năm giữ	VND	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON	14.760.000	147.600.000.000	36%
2	Các cổ đông khác	26.240.000	262.400.000.000	64%
	Cộng	41.000.000	410.000.000.000	100%

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Số TT	Tên ngành nghề
1	- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
2	- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành; Vận tải hành khách đường bộ khác;
3	- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
4	- Cho thuê xe có động cơ;
5	- Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác đá, cát sỏi, đất sét;
6	- Thi công xây dựng: Nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp đô thị; Thí nghiệm cọc công nghệ cao;
7	- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, thủy văn công trình;
8	- Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng, quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm;
9	- Sản xuất và buôn bán các loại cấu kiện bê tông cốt thép, thép, phục vụ xây dựng nền móng và công trình ngầm; Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;
10	- Ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng nền móng và công trình ngầm mới vào thực tế xây dựng tại Việt Nam;
11	- Buôn bán: Vật tư, vật liệu, thiết bị công nghiệp thuộc hai lĩnh vực xây dựng và công nghiệp;

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

- 12 - Xây dựng công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Dịch vụ kho vận;
- 13 - Tư vấn, môi giới bất động sản; Kinh doanh khách sạn, văn phòng;
- 14 - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
- 15 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/ 2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập Báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con:

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất:

Các số dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin chi tiết về các đơn vị thành viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Công ty con :

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ phần biểu quyết nắm giữ (%)	Ngành nghề chính
1	Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Đăng	Thanh Hóa	55,00	55,00	Khai thác quặng sắt

2	Công ty Cổ phần FECON Nghị Sơn	Thanh Hóa	51,5	51,5	Sản xuất cục bề tông
---	-----------------------------------	-----------	------	------	-------------------------

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

2.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

3.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 31/012/2014 không có khoản hàng tồn kho nào cần trích dự phòng giảm giá.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

4.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tại thời điểm 31/12/2014, ngoài các đối tượng công nợ đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100% tại thời điểm 31/12/2013 thì không còn khoản phải thu nào cần trích lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Các tài sản khác	03 - 10 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

6.1. Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính: Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

6.2. Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính: TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của công ty

Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

7.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

7.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu} \\ \text{tư tài chính} \end{array} = \left[\begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn : Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm :

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí quảng cáo, bảo hiểm;
- Chi phí sửa chữa văn phòng;
- Chi phí sử dụng phần mềm.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 03 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này gồm: Trích trước chi phí các công trình

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được biếu, tặng này và các khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức: Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

12. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

13.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

13.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính..

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

- **Thuế thu nhập hoãn lại:** Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
- Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1 Tiền	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	4.609.904.128	3.794.352.257
Tiền gửi ngân hàng	22.051.739.208	2.635.637.959
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	-
Cộng	26.661.643.336	6.429.990.216
2 Các khoản phải thu khách hàng	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty CP Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON	291.199.849.304	148.543.145.255
Công ty CP xây dựng HUD401	2.988.832.000	2.988.832.000
Tổng Công ty xây dựng Hà Nội	4.063.050.031	723.970.640
Phải thu khách hàng khác	17.557.423.656	3.526.473.679
Cộng	315.809.154.991	155.782.421.574
3 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Công trình lọc hóa dầu Nghi Sơn	-	38.261.824.660
- Công trình AONE	-	15.423.000.000
- Công trình Samsung Electronic	35.037.756.580	42.085.724.484
	35.037.756.580	95.770.549.144
4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	3.133.821.100	-
- Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế CHAILEASE	106.295.279	318.887.719
- Công ty cổ phần khoáng sản Hải Đăng	-	8.047.800.000
- Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	2.295.261.325	-
- Phải thu khác	6.955.932.648	100.843.681
Cộng	12.491.310.352	8.467.531.400
(*) Thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định thuê tài chính		
5 Hàng tồn kho	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Nguyên liệu, vật liệu	54.444.085.185	27.369.320.434
- Công cụ, dụng cụ	7.519.047.300	5.259.531.848
- Thành phẩm	89.096.087.132	34.031.231.918
- Hàng hoá	4.607.389.079	1.898.139.495
- Hàng gửi bán	64.413.889.341	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	220.080.498.037	68.558.223.695

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
6	Chi phí trả trước ngắn hạn		
	- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	589.596.646	-
	Cộng	589.596.646	-
7	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
	- Tiền thuế đất	35.672.400	35.672.400
	- Thuế GTGT nộp thừa	32.260.725	371.705.852
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.800.645.143	-
	Cộng	2.868.578.268	407.378.252
8	Tài sản ngắn hạn khác		
	- Tạm ứng	1.907.999.146	497.052.748
	Cộng	1.907.999.146	497.052.748

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	90.686.177.898	174.814.008.157	49.684.481.864	114.989.546	1.150.176.086	316.449.833.551
- Mua trong năm	5.357.083.094	11.361.474.273	751.845.455	-	-	17.470.402.822
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	2.761.136.301	-	-	-	-	2.761.136.301
- Tăng khác	40.649.122.985	4.037.456.423	1.786.141.818	39.000.000	-	46.511.721.226
- Thanh lý, nhượng bán	(2.521.536.242)	(654.139.587)	(329.018.000)	-	-	(3.504.693.829)
- Giảm khác	(4.288.913.678)	(897.610.503)	-	-	-	(5.186.524.181)
Số dư cuối năm	132.643.070.358	188.661.188.763	51.893.451.137	153.989.546	1.150.176.086	374.501.875.890
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	21.952.698.724	72.102.638.218	16.816.134.519	79.550.467	620.992.159	111.572.014.087
- Khấu hao trong năm	10.614.034.209	16.787.979.443	4.854.300.125	12.632.411	140.610.596	32.409.556.784
- Tăng khác	3.416.114.143	179.974.480	148.845.152	4.875.000	-	3.749.808.775
- Thanh lý, nhượng bán	-	(428.794.740)	(159.513.325)	-	-	(588.308.065)
- Giảm khác(*)	(866.034.388)	-	-	-	-	(866.034.388)
Số dư cuối năm	35.116.812.688	88.641.797.401	21.659.766.471	97.057.878	761.602.755	146.277.037.193
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
1. Số đầu năm	68.733.479.174	102.711.369.939	32.868.347.345	35.439.079	529.183.927	204.877.819.464
2. Số cuối năm	97.526.257.670	100.019.391.362	30.233.684.666	56.931.668	388.573.331	228.224.838.697

(*) Khoản giảm khác là nguyên giá tài sản và khấu hao lũy kế của Công ty TNHH Dầu tư FECON

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**10. Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình thuê tài chính			
Số dư đầu năm	5.398.356.533	2.233.981.409	7.632.337.942
- Thuê tài chính trong năm	29.832.562.757	10.086.525.549	39.919.088.306
Số dư cuối năm	35.230.919.290	12.320.506.958	47.551.426.248
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.317.482.329	883.384.679	3.200.867.008
- Khấu hao trong năm	5.411.093.273	1.225.135.967	6.636.229.240
Số dư cuối năm	7.728.575.602	2.108.520.646	9.837.096.248
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính			
1. Tại ngày đầu năm	3.080.874.204	1.350.596.730	4.431.470.934
2. Tại ngày cuối năm	27.502.343.688	10.211.986.312	37.714.330.000

11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	8.380.730.109	217.846.000	8.598.576.109
- Tăng khác	12.408.327.131	55.500.000	12.463.827.131
Số dư cuối năm	20.789.057.240	273.346.000	21.062.403.240
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	772.650.552	86.243.564	858.894.116
- Khấu hao trong năm	1.009.764.580	37.099.402	1.046.863.982
Số dư cuối năm	1.782.415.132	123.342.966	1.905.758.098
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
1. Số đầu năm	7.608.079.557	131.602.436	7.739.681.993
2. Số cuối năm	19.006.642.108	150.003.034	19.156.645.142

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà kho chứa đá	-	1.769.712.803
Công trình TTTM Ngũ Động Sơn	-	233.298.944
Công trình đường vào nhà máy	23.439.142.721	-
Cộng	23.439.142.721	2.003.011.747

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.188.909.963	2.751.751.491
Chi phí tư vấn	1.427.440.320	1.540.801.249

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chi phí thuê nhà kho	-	1.030.846.570
Chi phí thuê đất cụm công nghiệp	-	2.256.301.843
Chi phí thiết kế dây chuyền 2	-	99.696.316
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.044.208.005	2.088.416.025
Cộng	4.660.558.288	9.767.813.494
14 Tài sản dài hạn khác		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	2.516.704.336	417.592.364
Cộng	2.516.704.336	417.592.364
15 Vay và nợ ngắn hạn		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngắn hạn VND	193.902.219.135	97.087.525.243
- Ngân hàng BIDV- CN Đông Đô (1)	29.031.775.749	12.852.283.823
- Ngân hàng BIDV- CN Hà Nam (2)	12.189.568.777	14.268.529.181
- Ngân hàng VCB - CN Hoàn Kiếm (3)	76.541.077.793	69.966.712.239
- Ngân hàng PVcombank - CN Thái Bình (4)	24.344.909.043	
- Ngân hàng Công thương - CN Hà Nam (5)	24.794.887.773	
- Vay cá nhân	27.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	29.346.505.576	7.668.239.401
- Ngân hàng BIDV- CN Đông Đô	1.794.429.331	1.829.772.950
- Ngân hàng VCB - CN Hoàn Kiếm	20.949.694.080	5.253.837.140
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (6)	5.628.000.000	
- Công ty TNHH cho thuê tài chính CHAILEASE	974.382.165	584.629.311
Cộng	223.248.724.711	104.755.764.644

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/1824665/HĐTD ngày 30/06/2014 với BIDV - Đông Đô với: Hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Thời hạn vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể; Thời hạn rút vốn: đến ngày 30/6/2015; Lãi suất vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.
- Hợp đồng tín dụng số 00482/2011 giữa Công ty và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Nam; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; Lãi suất cho vay được thay đổi theo lãi suất thông báo cho từng thời điểm nhận nợ vay.
- Hợp đồng cấp tín dụng số HK1-HĐTCTD/14071 tháng 04/2014 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hoàn Kiếm; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất vay được thay đổi theo lãi suất thông báo cho từng thời điểm nhận nợ vay; Tài sản đảm bảo: tài sản trong tương lai thuộc dự án “Đầu tư mở rộng giai đoạn 2 Nhà máy sản xuất cốc bê tông dự ứng lực cường độ cao”.
- Vay của PVcombank theo HĐ hạn mức số 092/2014/HĐTD-HM/PVB-CNTB ngày 12/12/2014 với hạn mức 30.000.000.000 VND thời hạn 12 tháng, lãi suất quy định tại từng khế ước cụ thể. Tài sản đảm bảo: Giá trị quyền đòi nợ đã hình thành từ các Hợp đồng ký với Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON, với giá tạm tính là: 179.000.000.000 VND
- Vay của Vietinbank - Hà Nam theo HĐ tín dụng số 01/2014-HĐTDHM/NHCT384-FECON tháng 8/2014 với hạn mức: 25.000.000.000 VND thời hạn 12 tháng. Tài sản đảm bảo: 1 phần máy móc thiết bị của Công ty.
- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 03/HĐTD ngày 26/12/2014; Hạn mức vay: 3.425.000.000 VND; Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; Lãi suất: 8,7%/năm; Mục đích vay: Bổ sung

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

vốn lưu động và Hợp đồng hạn mức tín dụng ngày 08/12/2014; Hạn mức vay: 2.203.000.000 VND; Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; Lãi suất: 8,7%/năm; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo: Hệ thống nhà xưởng và nhà làm việc của Công ty.

16 Phải trả người bán

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH cơ khí chế tạo và bê tông FECON Nghi Sơn	62.688.220.028	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại thép Việt Xô	7.065.092.504	1.173.269.874
Công ty TNHH Thương mại Minh Hoàng	1.364.321.340	2.696.901.873
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển xây dựng Minh Huyền	7.411.881.500	5.464.532.300
Công ty TNHH Basf Việt Nam	310.798.000	2.226.147.000
Công ty TNHH Trường Hải	6.820.197.200	10.021.239.600
Công ty CP Chương Dương	2.801.202.053	3.352.126.199
Công ty CP Thương mại Thành Nam	1.868.127.566	1.196.035.684
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Phụng Hoàng	8.800.024.800	
Phải trả người bán khác	21.442.314.318	29.799.001.389
Cộng	120.572.179.309	55.929.253.919

17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.959.437	8.265.319.284
- Thuế thu nhập cá nhân	459.183.129	16.250.248
- Thuế tài nguyên	-	128.000
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	3.567.149.021	-
Cộng	4.065.291.587	8.281.697.532

18 Chi phí phải trả

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lãi vay phải trả	349.683.579	300.528.388
Cước vận chuyển cọc	6.818.200.000	
Cộng	7.167.883.579	300.528.388

19 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	453.506.488	-
- Kinh phí công đoàn	206.444.422	111.084.658
- Cổ tức phải trả	-	588.500.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	44.731.146	7.120.042
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng DELCO	100.000.000	-
- Hà Thế Phương	5.000.000.000	-
- Hoàng Văn Thoan	3.000.000.000	-
- Doanh thu chưa thực hiện (*)	859.912.017	-
- Phải trả, phải nộp khác	1.206.168.533	199.054.888
Cộng	10.870.762.606	905.759.588

(*) Chênh lệch lớn hơn (lãi) giữa giá bán và giá trị còn lại của tài sản cố định bán và thuê lại tài chính còn chưa phân bổ hết

20	Vay và nợ dài hạn	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	20.1. Vay dài hạn	41.520.676.838	83.692.863.404
	Vay dài hạn VND	18.029.133.064	36.288.304.882
	- Ngân hàng BIDV- CN Đông Đô (*)	0	3.252.594.134
	- Ngân hàng VCB - CN Hoàn Kiếm (**)	18.029.133.064	33.035.710.748
	Vay dài hạn USD	23.491.543.774	47.404.558.522
	- Ngân hàng BIDV- CN Đông Đô (*)	0	4.016.535.628
	- Ngân hàng VCB - CN Hoàn Kiếm (**)	23.491.543.774	43.388.022.894
	20.2. Nợ dài hạn	-	2.728.269.821
	- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (***)	25.175.892.856	
	- Công ty TNHH cho thuê tài chính CHAILEASE	0	2.728.269.821
	Cộng	66.696.569.694	86.421.133.225

(*) Hợp đồng tín dụng số 01.18246665.08/HĐTD ngày 16/02/2008 giữa Công ty và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đông Đô; Hạn mức vay: 50 tỷ đồng; Lãi suất 6 tháng kể từ ngày giải ngân 13,6% / năm đối với VND và 7,4% / năm đối với USD; Lãi suất VND bằng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 4% năm; Mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh và xây dựng dây truyền 1; Tài sản thế chấp: quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

(**) Hợp đồng tín dụng số 10096/HĐTD/VCB-PVC- FECON giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hoàn Kiếm; Hạn mức vay: 130 tỷ đồng; Lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương – CN Hoàn Kiếm công bố cộng lãi suất biên 3,6% / năm đối với VND; Đối với vay gốc ngoại tệ bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hoàn Kiếm công bố cộng lãi suất biên 2,8% / năm đối với USD; Mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh và xây dựng dây truyền 2; Tài sản thế chấp: là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(***) Nợ thuê Tài chính phải trả của Hợp đồng thuê tài chính số 22.14.01/CTTC ngày 23/01/2014 với: Số tiền cho thuê: 30.700.000.000 VND; Số tiền trả trước 13.203.909.596 VND (được bù trừ với số tiền phải thu của Hợp đồng thanh lý tài sản số 22.14.01.CTTC-HĐKT ngày 23/01/2014); Số tiền ký quỹ: 1.320.000.000 VND; Lãi suất: bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VND do Công ty TNHH MTV Cho thuê TC - Vietcombank công bố + biên độ 2,4%/năm và được thay đổi 6 tháng/lần; Thời hạn thuê: 48 tháng; Thanh toán gốc + lãi 3 tháng/lần.

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Cụm Công nghiệp Thị Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

21. Vốn chủ sở hữu
21.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
- Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng vốn trong năm trước	118.000.000.000					118.000.000.000
- Lãi tăng trong năm trước	-				35.785.669.444	35.785.669.444
- Tăng khác	150.000.000.000		2.102.371.238	1.943.667.369	16.972.563.279	171.018.601.886
- Giảm khác	-		-	-	(18.928.004.271)	(18.928.004.271)
- Số dư cuối năm trước	268.000.000.000	-	2.102.371.238	1.943.667.369	33.830.228.452	305.876.267.059
- Số dư đầu năm nay	268.000.000.000	-	2.102.371.238	1.943.667.369	33.830.228.452	305.876.267.059
- Tăng vốn năm nay	142.000.000.000	-	-	-	-	142.000.000.000
- Lãi tăng trong năm	-	-	-	-	24.564.259.849	24.564.259.849
- Tăng khác	-	-	2.165.487.778	2.165.487.778	-	4.330.975.556
- Giảm khác (*)	-	(1.873.645.455)	-	-	(35.101.251.213)	(36.974.896.668)
Số dư cuối năm nay	410.000.000.000	(1.873.645.455)	4.267.859.016	4.109.155.147	23.293.237.088	439.796.605.796

(*) - Giảm khác:

- Trích Quỹ Đầu tư phát triển: 2.165.487.778 VND
- Trích Quỹ dự phòng tài chính: 2.165.487.778 VND
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi: 6.496.463.336 VND
- Chia cổ tức: 16.080.000.000 VND
- Các khoản giảm khác: 8.193.812.321 VND

11/10/2014

21.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	410.000.000.000	268.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	268.000.000.000	268.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	142.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	410.000.000.000	268.000.000.000

21.3. Cổ phiếu

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	41.000.000	26.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	41.000.000	26.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.000.000	26.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	41.000.000	26.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cộng	<u>41.000.000</u>	<u>26.800.000</u>

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

21.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Quỹ đầu tư phát triển	4.267.859.016	2.102.371.238
- Quỹ dự phòng tài chính	4.109.155.147	1.943.667.369

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

22. Doanh thu

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu bán hàng	486.508.587.482	423.971.417.445
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	1.565.774.694
Cộng	<u>486.508.587.482</u>	<u>425.537.192.139</u>

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Hàng bán bị trả lại	791.948.260	2.052.125.600
Cộng	<u>791.948.260</u>	<u>2.052.125.600</u>

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
24 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về hàng hóa đã bán	485.716.639.222	421.919.291.845
Doanh thu thuần về hợp đồng xây dựng	-	1.565.774.694
Cộng	<u>485.716.639.222</u>	<u>423.485.066.539</u>
25 Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hàng bán	320.403.486.888	306.907.915.746
Giá vốn hợp đồng xây dựng	-	2.960.514.007
Cộng	<u>320.403.486.888</u>	<u>309.868.429.753</u>
26 Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	567.955.509	1.219.728.489
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	0	62.158.859
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	65.679.421	7.404.977
Cộng	<u>633.634.930</u>	<u>1.289.292.325</u>
27 Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	20.575.147.320	18.781.003.844
Lỗ chênh lệch tỷ giá phân bổ từ các năm trước	1.041.958.020	0
Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	158.904.640	353.143.102
Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	936.995.599	2.007.437.714
Cộng	<u>22.713.005.579</u>	<u>21.141.584.660</u>
28 Thu nhập khác		
- Thu nhập từ bán TSCĐ cho Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính (1)	39.638.532.971	-
- Thu từ thanh lý phế liệu	59.386.000	-
- Xử lý số dư công nợ	36.832	994.777
- Lợi thế thương mại	-	6.100.000.000
- Thu nhập khác	169.919.664	9.090.909
Cộng	<u>39.867.875.467</u>	<u>6.110.085.686</u>
29 Chi phí khác		
- Giá trị của TSCĐ bán cho Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính (1)	39.032.581.357	-
- Tiền truy thu, phạt thuế	-	789.258.942
- Chi nộp phạt chậm thuế	273.204.507	84.063.868
- Xử lý số dư công nợ	393.354	12.470.221
- Chi phí khác	846.546.182	-
Cộng	<u>40.152.725.400</u>	<u>885.793.031</u>

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(1) Bán TSCĐ là "Dây truyền sản xuất cọc bê tông dự ứng lực công suất 1.000.000 m cọc/năm" của Công ty TNHH cơ khí chế tạo và Bê tông FECON Nghi Sơn, trị giá: 43.903.909.596 VND (đã bao gồm VAT) cho Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

30	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			
		Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		5.123.322.427	10.694.664.085
31	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		Năm nay	Năm trước
		Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	26.879.308.080	35.785.669.444
		Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	2.315.048.231	-
		Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ	24.564.259.849	35.785.669.444
		Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	32.894.597	25.389.237
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	747	1.409	

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam kiểm toán.

2. Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giá trị giao dịch (VND)	
		Năm 2014	Năm 2013
Bán thành phẩm, cung cấp dịch vụ và bán nguyên vật liệu			
Công ty CP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON	Công ty liên kết	575.917.587.985	437.106.621.143
Mua hàng			
Công ty TNHH cơ khí chế tạo và bê tông FECON Nghi Sơn	Công ty con của Công ty CP FECON Nghi Sơn	181.163.219.760	-
Công ty CP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON	Công ty liên kết	49.940.375.048	65.356.692.788
Trả tiền hàng			
Công ty CP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON	Công ty liên kết	49.940.375.048	-
Công ty TNHH cơ khí chế tạo và bê tông FECON Nghi Sơn	Công ty con của Công ty CP FECON Nghi Sơn	118.474.999.732	-
Lãi vay phải thu			
Công ty CP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON	Công ty liên kết	-	980.000.000
Thu tiền bán thành phẩm			

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Công ty CP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON Bù trừ công nợ	Công ty liên kết	398.223.118.878	-
Công ty CP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON Chuyển nhượng vốn góp	Công ty liên kết	49.638.080.880	-
Công ty CP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON Mua căn hộ	Công ty liên kết		3.900.000.000
Công ty CP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON	Công ty liên kết		3.645.000.000

3. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giá trị giao dịch (VND)	
		Cuối năm nay	Cuối năm trước
Các khoản phải thu			
Công ty CP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON	Công ty liên kết	326.237.605.884	148.543.145.255
Các khoản phải trả			
Công ty TNHH cơ khí chế tạo và bê tông FECON Nghi Sơn	Công ty con của Công ty CP FECON Nghi Sơn	62.688.220.028	-

4. Thù lao Ban Giám đốc, Ban kiểm soát đã chi trả trong năm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm nay
Thù lao Hội đồng Quản Trị		
Hà Thế Lộng	Chủ tịch	229.000.000
Thù lao Ban Giám đốc		
Hà Thế Phương	Giám đốc	219.500.000
Phạm Trung Thành	Phó Giám đốc	181.800.000
Lê Quang Trung	Phó Giám đốc	180.000.000
Nguyễn Chí Sự	Phó Giám đốc	48.437.500

5. Báo cáo bộ phận

5.1. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Ban giám đốc xác định rằng việc đưa ra quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại hình sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

5.2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Cung cấp sản phẩm bê tông	Cung cấp khoáng sản	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	483.514.048.599	2.202.590.623	485.716.639.222
2. Giá vốn	318.501.376.186	1.902.110.702	320.403.486.888
3. Lợi nhuận gộp			165.313.152.334
4. Doanh thu hoạt động tài chính			633.634.930
5. Thu nhập khác			39.867.875.467

6. Chi phí không phân bổ			173.261.451.005
7. Lợi nhuận kế toán trước thuế			32.543.211.726

6 Công cụ tài chính

6.1. Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : Vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

6.2. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

<u>Khoản mục</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
- Tiền, các khoản tương đương tiền	30.661.643.336	30.661.643.336
- Các khoản phải thu khách hàng	315.809.154.991	315.398.126.426
- Trả trước cho người bán	8.419.883.065	8.419.883.065
- Phải thu khác	12.491.310.352	12.491.310.352

6.3. Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

<u>Khoản mục</u>	<u>Số dư ngày 31/12/2014</u>
- Vay và nợ ngắn hạn dài hạn	289.945.294.405
- Phải trả người bán	120.572.179.309
- Người mua trả tiền trước	11.876.278.398
- Chi phí phải trả	7.167.883.579
- Phải trả khác	10.870.762.606

6.4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	120.572.179.309		120.572.179.309
- Người mua trả trước	11.876.278.398		11.876.278.398
- Chi phí phải trả	7.167.883.579		7.167.883.579
- Phải trả khác	10.870.762.606		10.870.762.606
- Vay ngắn hạn	193.902.219.135		193.902.219.135
- Vay dài hạn		41.520.676.838	41.520.676.838

7. Thông tin khác

Công ty niêm yết 26.800.000 cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán HOSE từ ngày 15/05/2013 với mã giao dịch là FCM.

Lập, ngày 11 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

BÙI THỊ HIỀN

Kế toán trưởng

NGÔ THỊ THANH



Giám đốc

PHẠM TRUNG THÀNH